

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018-2022

Bùi Thị Thanh Nhân
Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hải Phòng
Email: nhanbtt89@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/5/2024

Ngày PB đánh giá: 25/5/2024

Ngày duyệt đăng: 29/5/2024

TÓM TẮT: Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã có những bước đi tích cực. Trong thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số bất cập mà nước ta cần tiếp tục nỗ lực để đảm bảo kịp thời đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững quốc gia vào năm 2030. Trên cơ sở tổng hợp các tư liệu về phát triển kinh tế bền vững, tác giả mong muốn cung cấp một số kết quả đạt được của Việt Nam theo định hướng này trong những năm gần đây.

Từ khóa: cơ cấu kinh tế, kinh tế bền vững, tăng trưởng kinh tế.

EVALUATING SOME SUSTAINABLE ECONOMIC DEVELOPMENT CRITERIA IN VIETNAM IN THE PERIOD OF 2018-2022

ABSTRACT: In order to reach the sustainable economic development goal, many countries, including Vietnam, around the world have taken positive moves. In recent years, Vietnam has achieved outstanding results in implementing sustainable economic development goals. However, there are still some shortcomings that our country needs to keep efforts to ensure timely achievement of the national sustainable economic development goals by 2030. On the basis of synthesizing documents on sustainable economic, the author expects to provide some results achieved by Vietnam in recent years.

Key words: economic structure, sustainable economic, economic growth.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đã và đang hướng đến xu thế tất yếu đó là phát triển bền vững. Vấn đề phát triển kinh tế bền vững được Đảng và Nhà nước ta chú trọng quan tâm cùng quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng tập trung vào chiều sâu gắn với năng suất lao động, khoa học công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong chiến lược phát

triển kinh tế bền vững của mình, Việt Nam đặt ra mục tiêu về chất lượng môi trường kinh doanh cần được cải thiện đáng kể để bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới, từ đó nâng lực cạnh tranh của đất nước sẽ được nâng cao, góp phần nâng tầm trên các bảng xếp hạng quốc tế.

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn thể hiện sự đúng đắn trong đường lối cũng như quá trình thực hiện, đó là

những thành tựu trong sự tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Thành tựu này thể hiện được sự nỗ lực rất lớn của nước ta trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid-19, đồng thời phải đối mặt với nhiều cuộc khủng hoảng và xung đột. Tuy nhiên với bức tranh kinh tế thế giới khó khăn như vậy thì việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của nước ta còn gặp tương đối nhiều khó khăn và thách thức trong giai đoạn tới.

Nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến nội dung đo lường mức độ phát triển bền vững dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, tính trừu tượng trong bản chất của phát triển bền vững là một trong những vấn đề khiến việc lượng hóa các chỉ tiêu đánh giá chưa có sự thống nhất chung. Do đó, cách tiếp cận phổ biến mà giới nghiên cứu hiện đang sử dụng là áp dụng khung tam giác bền vững và cân bằng ở ba mặt kinh tế, xã hội, môi trường thông qua việc đo lường các chỉ số đại diện.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Tổng quan nghiên cứu

Có thể thấy, phát triển kinh tế bền vững là tư tưởng xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Phát triển bền vững về kinh tế được hiểu là sự phát triển của nền kinh tế vừa đảm bảo về tốc độ nhanh vừa phải đảm bảo tính an toàn và ổn định. Quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững cần đảm bảo sự bình đẳng trong việc sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu tối đa mức độ thiệt hại đến môi trường thiên nhiên.

Nhiều nghiên cứu đã tập trung từ việc làm rõ nội dung của phát triển kinh tế bền vững, từ đó phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam theo chủ

trương phát triển bền vững trong giai đoạn vừa qua. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu hướng đến phân tích các cơ hội và thách thức cho Việt Nam trên con đường thực hiện phát triển bền vững.

Trong một báo cáo của Mạng lưới giải pháp phát triển bền vững Liên Hiệp Quốc (SDSN) về các chỉ số mục tiêu phát triển bền vững (2014), đã trình bày một khuôn khổ tích hợp gồm 100 chỉ số cho các mục tiêu phát triển bền vững. Đó là những mục tiêu liên quan đến phát triển kinh tế, chuyển đổi công nghệ, đảm bảo bình đẳng giới, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, giải quyết vấn đề nạn đói... Mỗi mục tiêu được xác định các vấn đề cần đo lường và chỉ số đánh giá.

Trong nghiên cứu của ThS. Đỗ Thị Thanh Tâm và ThS. Trương Ngọc Chân (2023), nhiều thách thức được chỉ ra trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2025 của Việt Nam. Đó là những khó khăn về hệ thống chính sách, về nguồn lực tài chính... làm cho nhiều mục tiêu khó đạt được đến năm 2030.

Một nghiên cứu của TS. Tô Trọng Hùng (2022) liên quan đến chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam sau đại dịch Covid-19, cho thấy những cơ hội giúp nền kinh tế Việt Nam đạt được những thành tựu trong lộ trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm phục hồi và phát triển kinh tế Việt Nam trong năm 2022 và 2023.

TS. Lê Văn Hùng và cộng sự cũng có nghiên cứu về kinh nghiệm thực tiễn trong việc xây dựng các chỉ số đo lường liên quan tới phát triển kinh tế bền vững của các tổ chức quốc tế như OECD, WB, IMF và BCG, từ đó nhóm tác giả đề xuất bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc xây dựng các chỉ tiêu để đo lường phát triển kinh tế cân đối giữa nguồn lực và tính khả thi, đồng

thời lồng ghép các chỉ số kinh tế với các yếu tố ngoài như y tế, giáo dục, môi trường...

2.2 Cơ sở lý thuyết

Một số khái niệm

Khái niệm về phát triển bền vững được sử dụng đầu tiên năm 1980 và đến năm 1987 được phổ biến rộng rãi. Theo Báo cáo Brundtland của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED năm 1987, phát triển bền vững là "Sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..." [1]. Về nguyên tắc, phát triển bền vững là quá trình thực hiện phát triển đồng thời về cả mặt: kinh tế tăng trưởng bền vững, xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.

Phát triển kinh tế bền vững được hiểu là sự tăng trưởng đáp ứng được tiêu chí về an toàn cũng như ổn định. Sự phát triển đồng bộ về nhiều chỉ tiêu như tốc độ tăng trưởng, cơ cấu kinh tế hợp lý, phát triển xanh, không ảnh hưởng xấu đến môi trường,... Mục tiêu phát triển kinh tế bền vững cần được hướng đến những quyền cơ bản của con người, hướng đến các nguồn lực của đất nước, tránh sự bất bình đẳng cũng như xâm phạm bất cứ quyền cơ bản nào của cá nhân.

Một số chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế bền vững

Theo tổng hợp của United Nations (2007) trong cuốn Indicators of Sustainable Development: Guidelines and Methodologies, một số tiêu chí của nền kinh tế phát triển bền vững bao gồm:

- Tốc độ tăng trưởng GDP cao và GDP tính theo đầu người cao. Quốc gia được đánh giá là đạt chỉ tiêu phát triển bền vững về kinh tế thì trước hết mức tăng trưởng GDP trong điều kiện hiện nay cần đảm bảo đạt từ 5%/năm và quan trọng hơn nữa là mức tăng

trưởng này phải mang tính ổn định trong từng giai đoạn nhất định.

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mang tính hợp lý theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp.

- Các vấn đề xã hội cơ bản cần được giải quyết trong quá trình tăng trưởng như vấn đề giải quyết việc làm, tăng năng suất lao động,...

Chính Phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP về Quy hoạch tổng thể quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các mục tiêu phát triển kinh tế cụ thể là: tốc độ tăng trưởng GDP cả nước phấn đấu đạt khoảng 7,0%/năm, trong đó (tỷ trọng trong GDP khu vực nông, lâm, thủy sản xuống dưới 10%, khu vực công nghiệp xây dựng trên 40%, và khu vực dịch vụ trên 50%); GDP bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm [3].

2.3 Phương pháp nghiên cứu

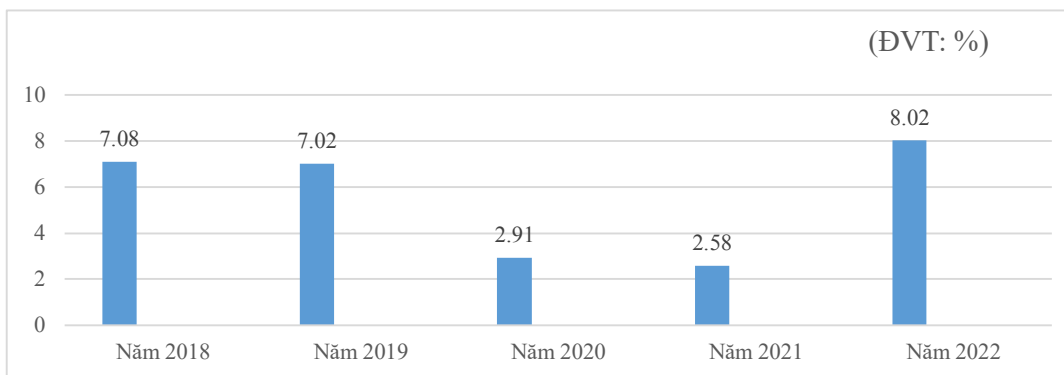
Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu số liệu thứ cấp để tổng hợp số liệu chủ yếu của Tổng cục thống kê, các văn bản pháp luật và các tài liệu nghiên cứu có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững. Dữ liệu sau khi thu thập được chọn lọc, so sánh theo dòng thời gian và phân tích, từ đó đánh giá các kết quả thực hiện.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá một số chỉ tiêu phát triển kinh tế bền vững của Việt Nam giai đoạn 2018-2022

Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP

Xét tiêu chí đầu tiên là tốc độ tăng trưởng GDP thì thời gian qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Với mức tăng trưởng trung bình 6% giai đoạn 2018-2022, Việt Nam được đánh giá là một quốc gia có tỷ lệ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới.



Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2018-2022

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu báo cáo của Tổng cục thống kê)

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%; năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%, kết quả này cho thấy được tính hiệu quả của các chiến lược phát triển cũng như sự cố gắng trong quá trình thực hiện của toàn bộ nền kinh tế. Đặc biệt năm 2020, tăng trưởng đạt 2,91% - đây là mức tăng trưởng GDP đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020, tuy nhiên đây mức tăng trưởng này lại được đánh giá là một thành công rất lớn của nước ta trong quá trình nỗ lực để gồng mình vượt lên những hậu quả của đại dịch Covid-19, và mức tăng trưởng này được xếp vào nhóm quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2020.

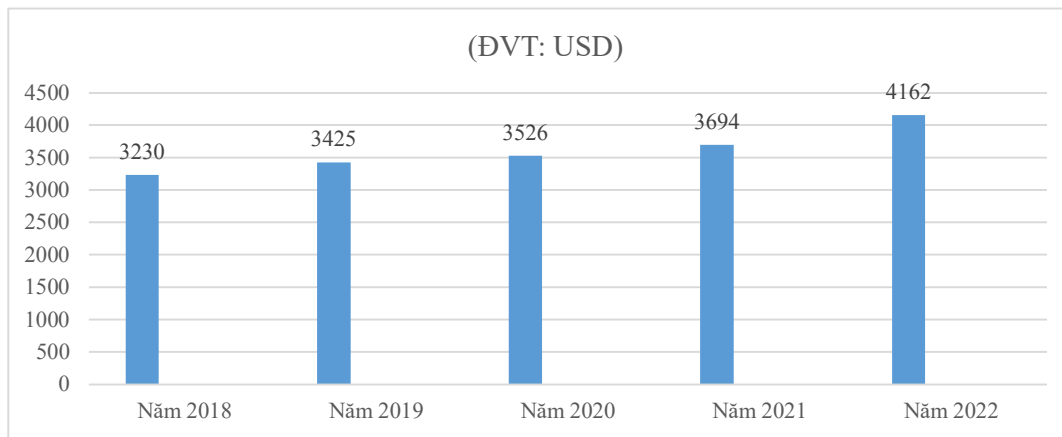
Năm 2021 với mức tăng trưởng còn thấp hơn năm 2020 với 2,58%, do đây vẫn là năm chịu hậu quả nặng nề của đại dịch Covid-19, cũng là tình hình chung của cả thế giới và khu vực. Trong năm này, nước ta phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, vừa phải đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vừa phải tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh.

Sang đến năm 2022, tăng trưởng GDP đạt 8,02% vượt mốc mục tiêu đặt ra 6-6,5%, đây là mức đột phá của GDP Việt Nam, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong sự tăng trưởng vượt bậc này thì khu vực nông, lâm, thủy sản đóng vai trò quan trọng mang lại con

số ấn tượng của nền kinh tế trong năm 2022. Hoạt động xúc tiến thương mại cũng như đa dạng hóa thị trường giúp đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu nông sản của nước ta, hoạt động chăn nuôi đạt kết quả tốt, cây công nghiệp lâu năm cũng ghi nhận mức tăng cao trong sản lượng. Ở khu vực công nghiệp, xây dựng, nhóm ngành đóng vai trò tăng trưởng chính là nhóm ngành chế biến chế tạo với tốc độ tăng 8,1%, theo sau là 7,45% của ngành quản lý và xử lý rác thải, đứng thứ ba là nhóm sản xuất và phân phối điện với mức tăng 7,05%.

Tuy nhiên, các chuyên gia kinh tế nhận định rằng nền kinh tế Việt Nam hiện nay chịu sự ảnh hưởng của các bất ổn từ nền kinh tế thế giới do nền kinh tế nước ta có độ mở tương đối lớn, điều này dẫn đến sự thiếu tính bền vững của nền kinh tế. Đồng thời với mức tăng trưởng đạt được những năm gần đây được đánh giá là vẫn còn dưới mức tiềm năng của nước ta, các nhóm ngành trụ cột vẫn chưa phát huy hết năng lực của mình, sự tăng trưởng GDP chủ yếu do ngành khai thác dầu khí, than và đóng góp của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nhiều doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào hoạt động gia công nên tỷ lệ giá trị gia tăng trong sản xuất thấp. Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước vẫn còn chậm chạp, chưa theo tiến độ.

➤ Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người



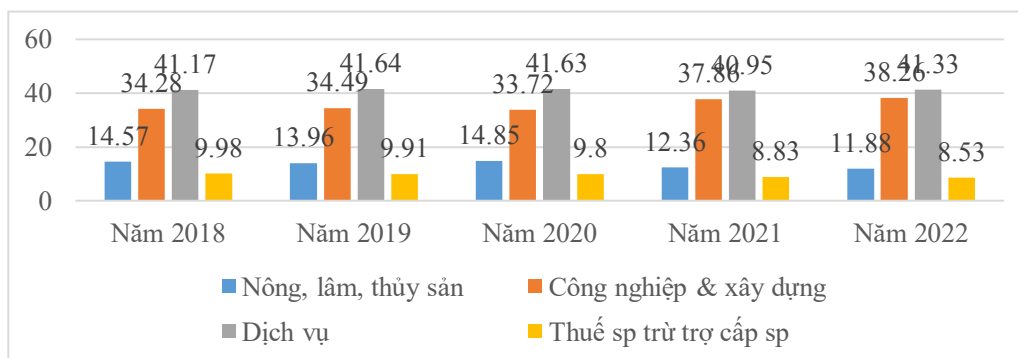
Hình 2: GDP bình quân đầu người Việt Nam giai đoạn 2018-2022

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Forbes)

Cùng với tăng trưởng GDP, tốc độ tăng GDP bình quân đầu người của Việt Nam những năm gần đây cũng có xu hướng tăng. Qua biểu đồ ta thấy được sự tăng dần đều của GDP đầu người từ năm 2018-2022. Theo nhận định của Forbes, Việt Nam là một trong những nền kinh tế có khả năng vực dậy nhanh sau tác động của đại dịch Covid-19. Theo đó, năm 2018, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng

3230 USD, năm 2019 tăng lên khoảng 3425 USD, đạt 3526 USD vào năm 2020, tiếp đến 3694 USD năm 2021 và cán mức 4162 USD năm 2022, xếp thứ 117 trên thế giới (theo bảng xếp hạng của IMF). Với đà tăng này, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 7500 USD, người dân có chất lượng cuộc sống cao.

➤ Chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế



Hình 3: Cơ cấu GDP Việt Nam theo khu vực kinh tế giai đoạn 2018-2022

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu báo cáo của Tổng cục thống kê)

Qua hình 3 có thể thấy sự chuyển dịch cơ cấu các thành phần kinh tế Việt Nam giai

đoạn 2018-2022 theo hướng giảm dần tỷ trọng của ngành nông, lâm, thủy sản và tăng dần ở

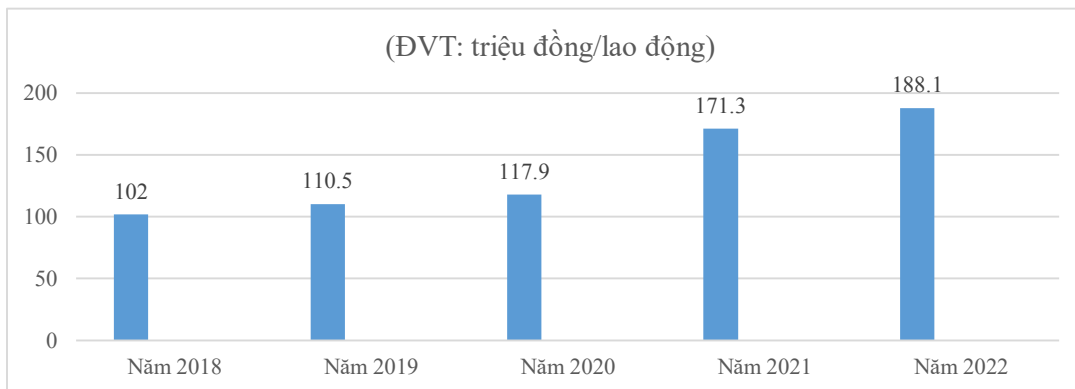
hai nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và ngành dịch vụ. Sự chuyển dịch này khẳng định tính đúng hướng và phù hợp của cơ cấu kinh tế Việt Nam trong tiến trình phấn đấu một nền kinh tế phát triển bền vững.

Năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,57% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,28%; khu vực dịch vụ chiếm 41,17%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,98%. Tỷ lệ này gần như được duy trì trong năm 2019 và 2020. Đến năm 2021 và 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm dần tỷ trọng tương ứng 12,36% và 11,88%. Thay vào đó là sự tăng lên của cả hai khu vực công nghiệp xây dựng và dịch vụ với mức đóng góp vào GDP của khu vực công nghiệp xây dựng lần lượt là 37,86% năm 2021 và 38,26% năm 2022, khu vực dịch vụ là 40,95% và 41,33%. Có thể thấy, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta diễn ra từng bước, mang tính quy trình và khẳng định vai trò quan trọng trong việc đạt được thành tựu tăng trưởng kinh tế cao, liên tục của Việt Nam.

Việc đánh giá cơ cấu các phân ngành kinh tế sẽ cho cái nhìn sát thực và cụ thể hơn về quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế. Sự chuyển dịch trong nội bộ

ngành nông nghiệp thể hiện ở việc giảm dần tỷ trọng của các loại vật nuôi, cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp và tăng dần tỷ trọng sang các loại vật nuôi, cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Thống kê số liệu về diện tích trồng lúa cho thấy sự thu hẹp từ 7,3 triệu ha năm 2005 xuống còn 7,1 triệu ha năm 2022, ngược lại là sự tăng lên của diện tích trồng cà phê, từ 500 nghìn ha năm 2005 lên 709 nghìn ha năm 2022... Ngành lâm nghiệp có sự thay đổi về quy mô trồng rừng, với 13,3 triệu ha năm 2010 tăng lên 14,8 triệu ha năm 2022. Xét trong nội bộ nhóm ngành công nghiệp - xây dựng thì các ngành mang tính trụ cột như điện tử, chế biến và sản xuất kim loại, sản xuất giấy, máy tính, sản phẩm quang học... đạt tốc độ tăng trưởng nhanh hơn cả. Với sự đóng góp của các ngành này, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã tăng từ 18,82% GDP năm 2005 lên mức 24,76% năm 2022. Trong nội bộ nhóm ngành dịch vụ thì ghi nhận sự tăng tỷ trọng nhanh nhất của một số ngành vận tải và kho bãi, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ... trong khi đó các nhóm ngành như bất động sản, dịch vụ ăn uống lại có xu hướng giảm dần tỷ trọng [7].

➤ Chi tiêu năng suất lao động



Hình 4: Năng suất lao động toàn nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2022

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu báo cáo của Tổng cục thống kê)

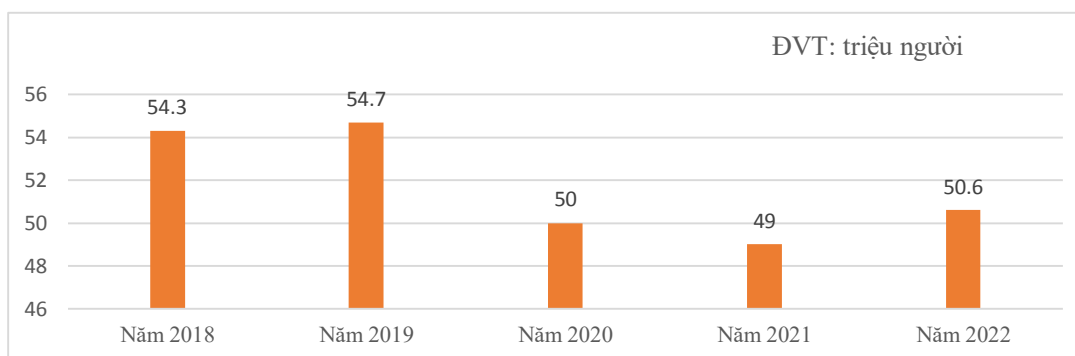
Năng suất lao động là một trong những tiêu chí để đánh giá một nền kinh tế có phát triển bền vững hay không. Trong giai đoạn 2018-2022, năng suất lao động của Việt Nam thể hiện sự tăng trưởng ấn tượng theo hướng tăng đều qua các năm và là quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong khu vực ASEAN. Nhìn biểu đồ ta thấy, năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2018 ước tính đạt 102 triệu đồng/lao động; tính theo giá so sánh, tăng 6% so với năm 2017. Năm 2019 tăng lên 110,5 triệu đồng/lao động và 117,9 triệu đồng/lao động năm 2020. Đến năm 2021 ước tính đạt 171,3 triệu đồng/lao động, như vậy năng suất lao động năm 2021 tăng 4,71%. Một trong những nguyên nhân giúp nâng cao năng suất lao động năm 2021 có thể kể đến do tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, với tỷ lệ 26,1% số lao động được cấp bằng, chứng chỉ nghề nghiệp. Cùng với tốc độ tăng trưởng mạnh của toàn nền kinh tế năm 2022, năng suất lao động của năm này ước tính đạt 188,1 triệu đồng/lao động tăng 4,8% so với năm 2021. Tuy nhiên, theo tổ chức Năng suất Châu Á (APO), khi đặt trong sự so sánh với các nước khác như Nhật Bản, Thái Lan, Singapore, Malaysia... thì năng suất lao động của Việt Nam vẫn còn khá thấp.

Một số nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của Việt Nam còn ở mức thấp như vậy có thể kể đến như: chủ yếu lao động Việt Nam còn thiếu kỹ năng và kinh nghiệm, hoạt động giáo dục nghề nghiệp chưa bám sát

➤ Chỉ tiêu giải quyết việc làm cho người lao động

và đáp ứng đúng cũng như đủ cho nhu cầu thị trường lao động, sự bất hợp lý trong cơ cấu đào tạo cũng như cơ cấu nghề nghiệp. Ngoài vấn đề thiếu kiến thức, kỹ năng chuyên môn thì người lao động còn thiếu nhiều kỹ năng mềm khác như kỹ năng hợp tác trong công việc, kỹ năng giải quyết vấn đề. Tính ý trong công việc cũng là một điểm yếu của lao động Việt Nam, lao động lười đổi mới, ngại tìm tòi sáng kiến, thiếu kỷ luật lao động cũng như ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên. Xét trên khía cạnh khác thì năng suất năng động thấp còn xuất phát từ phía doanh nghiệp, trong khi cuộc cách mạng diễn ra nhanh chóng thì nhiều doanh nghiệp Việt còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới [4].

Các máy móc, trang thiết bị và quy trình quản lý còn lạc hậu rất nhiều so với mức trung bình của thế giới, rất ít doanh nghiệp tập trung hoặc có định hướng đến hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo. Chính những yếu tố này là những trở ngại của mục tiêu nâng cao năng suất lao động của mỗi doanh nghiệp cũng như của toàn nền kinh tế, và khi năng suất lao động thấp sẽ tiếp diễn cản trở sự phát triển bền vững của kinh tế quốc gia. Do đó, thúc đẩy tăng năng suất lao động cần được quan tâm hơn nữa trong tiến trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của nước ta.



Hình 5: Lao động có việc làm toàn nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2022

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu báo cáo của Tổng cục thống kê)

Chỉ tiêu tiếp theo để đánh giá tính bền vững của một nền kinh tế là vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Trong năm 2018, cả nước ta có 53,4 triệu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc, trong đó lao động làm việc ở khu vực nông, lâm thủy sản chiếm 38,1%, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 26,6% và khu vực dịch vụ là 35,3%.

Năm 2020 và 2021, do ảnh hưởng tình hình dịch kéo dài và phức tạp đã khiến cho hàng triệu người mất việc, lao động trong các ngành đều bị giảm sút, trong đó ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất là dịch vụ. Tổng số lao động có việc làm năm 2020 giảm xuống chỉ còn khoảng 50 triệu người. Năm 2021 tiếp tục giảm xuống 49 triệu người; trong đó, tỷ lệ lao động trong ba khu vực nông - công - dịch vụ lần lượt là 28,9% - 33,2% và 37,9%. Đến năm 2022 có sự khởi sắc với số việc làm tăng lên ở các ngành tạo ra việc làm cho 50,6 triệu lao động.

Mặc dù tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của Việt Nam tương đối cao nhưng thị trường lao động Việt Nam được đánh giá là thiếu tính ổn định, việc làm chưa đầy đủ và cân đối giữa các nhóm ngành. Sự phân bố lực lượng lao động theo khu vực kinh tế cũng như theo khu vực địa lý không được cân đối và đồng đều, khu vực đồng bằng sông Hồng được thống kê là tập trung lực lượng nhiều nhất. Trong cuộc khảo sát của Ngân hàng Thế giới gồm 12 quốc gia tại châu Á thì nguồn nhân lực của Việt Nam xếp hạng 11 với mức điểm tương đối thấp 3,79 điểm trong thang điểm 10.

Về vấn đề bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển bền vững, Nhà nước và Chính phủ đã lồng ghép quan điểm bảo vệ môi trường xuyên suốt các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, một số chỉ tiêu môi trường đã đạt được kết quả vượt trội so với kế hoạch. Cụ thể, tỷ lệ cung cấp nước sạch cho người dân đô thị qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2020 đạt khoảng

90%; tại nông thôn tỷ lệ người dân sử dụng nguồn nước đảm bảo vệ sinh đạt khoảng 90,2%. Xét đến năm 2020, các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt tỷ lệ 90%. Về mục tiêu che phủ rừng, đến năm 2020 đạt đúng chỉ tiêu đề ra khoảng 42%. Nhà nước cũng ban hành nhiều chủ trương nhằm tăng cường quản lý có hiệu quả nguồn tài nguyên rừng và phổ biến rộng rãi trong các cơ quan, tổ chức và nhân dân.

3.2 Những thành tựu trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững

Trong tiến trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật thể hiện sự đúng đắn trong đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước cũng như sự phối hợp thực hiện của các Bộ, ngành, đơn vị, doanh nghiệp.

Có thể thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2018-2022 ở mức cao thể hiện sự nỗ lực của toàn bộ nền kinh tế nước nhà trong việc khắc phục hậu quả của đại dịch Covid-19 cũng như phấn đấu mục tiêu phát triển bền vững.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp xây dựng, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp trong cơ cấu GDP.

Năng suất lao động tăng dần qua các năm 2018-2022 đi cùng với sự gia tăng của tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, được cấp bằng, chứng chỉ nghề nghiệp.

3.3 Những tồn tại trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế bền vững

Bên cạnh những kết quả khích lệ trên, kinh tế Việt Nam vẫn tồn tại những bất cập trong quá trình hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững sau:

- Tăng trưởng kinh tế chưa mang tính đồng bộ và ổn định, quy mô tăng trưởng không đi cùng với chất lượng tăng

trường. Sự tăng trưởng nhanh chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp chủ yếu thực hiện công đoạn gia công trong quá trình sản xuất, tạo ra giá trị gia tăng thấp. Việc tính tổng sản phẩm trong nước còn mang tính đơn giản, chưa phản ánh thực chất chi phí đi kèm cũng như hậu quả cho môi trường mà các doanh nghiệp tạo ra. Trong GDP có tính đến nhiều dự án được đầu tư và triển khai, tuy nhiên trong thực tế thì những dự án đó về tiến độ hoàn thành còn chậm và nhiều năm chưa đi vào hoạt động. Xét trong phạm vi khu vực thì tốc độ tăng trưởng của nước ta vẫn còn ở mức thấp, chưa phù hợp với tiềm năng đất nước.

- Mặc dù thông kê về năng suất lao động cho thấy sự cải thiện đáng kể cả về giá trị và tốc độ trong những năm gần đây, tuy nhiên đặt trong sự so sánh với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á thì năng suất lao động của Việt Nam vẫn còn ở mức thấp. Năm 2020, năng suất lao động của Việt Nam chỉ cao hơn Lào, Myanmar và Campuchia. Như vậy, tăng năng suất lao động cho phù hợp với xu thế chung và bắt kịp các nước khác trong khu vực là một nhiệm vụ cấp bách mà Việt Nam phải chú ý.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Có thể thấy, kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tích đáng kể, tăng trưởng ở mức cao, tuy nhiên, so với thực tiễn và tiềm năng vẫn còn một số hạn chế nhất định trong quá trình phát triển kinh tế đất nước. Để khắc phục những hạn chế cũng như hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam trong giai đoạn tới, tác giả đưa ra một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, tập trung nâng cao chất lượng phát triển kinh tế, hướng đến tăng trưởng ổn định và đồng bộ giữa quy mô và chất lượng tăng trưởng, từng bước xây dựng và hoàn thiện môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh và thuận lợi, tạo điều kiện phát triển cho mọi thành phần

kinh tế. Tăng cường nâng cao nhận thức của cộng đồng, của các doanh nghiệp về nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

Thứ hai, huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực cho phát triển bền vững. Các nguồn lực về lao động, về vốn... cần được xác định đóng vai trò cốt lõi trong quá trình phát triển của mỗi doanh nghiệp nói riêng cũng như của toàn nền kinh tế nói chung. Tiếp tục thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhưng mang tính chọn lọc, đánh giá tính khả thi và hiệu quả của từng dự án, từng nhà đầu tư. Tập trung hướng đến chất lượng của các dự án thay vì chạy theo số lượng.

Thứ ba, lực lượng lao động cần được đào tạo bài bản theo đúng định hướng phát triển kinh tế của đất nước, đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần có định hướng nghề nghiệp cho học viên, xác định được các lĩnh vực ưu tiên, các ngành có xu hướng phát triển mạnh theo từng vùng, từng khu vực. Trong nội dung đào tạo cần gồm cả kiến thức nghề và các kỹ năng cần thiết, rèn luyện cho người lao động cả tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và tính tiết kiệm các nguồn lực trong quá trình làm việc. Các doanh nghiệp cũng cần chủ động xây dựng chiến lược nâng cao năng suất lao động cho tổ chức mình bằng cách đầu tư đổi mới công nghệ, đưa các ứng dụng hiện đại áp dụng vào quá trình sản xuất và quản trị, hướng đến tự động hóa trong sản xuất và sử dụng robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo. Mỗi doanh nghiệp cần đánh giá lại bức tranh lao động tổng thể để có sự điều chỉnh và bố trí lại hợp lý, đảm bảo sắp xếp đúng người, đúng việc; đẩy mạnh liên doanh liên kết giữa các doanh nghiệp để xây dựng cộng đồng doanh nghiệp cùng hướng đến mục tiêu tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Clark, William; Harley, Alicia (2020). “Sustainability Science: Toward a Synthesis”. *Annual Review of Environment and Resources*
2. Sustainable Development Solutions Network (2014), “*Indicators for Sustainable Development Goals*”
3. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nghị Quyết số 138/NQ-CP về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
5. Nguyễn Việt Lợi và Nguyễn Thị Hải Bình (2018), Phát triển kinh tế nhanh, bền vững và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế Tài chính Việt Nam* số 3/2018
6. Đỗ Thị Thanh Tâm và Trương Ngọc Chân (2023), Thách thức trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2025, *Tạp chí Công Thương* số 8 tháng 4/2023
7. Trịnh Việt Tiến (2020), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đáp ứng hội nhập và phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề trao đổi, *Tạp chí Công Thương* số 10, tháng 5/2020.
8. Nguyễn Văn Trọn (2023), Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, *Tạp chí tài chính* tháng 11/2023.